

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất  
cây hằng năm (tỷ lệ 1/2000) phường Hương Xuân,  
thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNNPTNT ngày 8/2/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp cấp xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 1/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 10/1/2013 của UBND thị xã Hương Trà về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản năm 2013;

Xét Tờ trình số 594/TTr-UBND ngày 20/9/2016 của Ủy ban Nhân dân phường Hương Xuân về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chi tiết hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất cây hằng năm (tỷ lệ 1/2000), phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị thị xã Hương Trà tại Báo cáo số 536/BC-QLĐT ngày 19/7/2017 về kết quả thẩm định Quy hoạch Quy hoạch chi tiết hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất cây hằng năm (tỷ lệ 1/2000), phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất cây hằng năm (tỷ lệ 1/2000), phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất cây hằng năm (tỷ lệ 1/2000), phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **2. Phạm vi ranh giới và quy mô nghiên cứu lập quy hoạch:**

#### *2.1. Phạm vi về không gian:*

- Phạm vi nghiên cứu lập là khu vực xứ đồng Trạng, thuộc tổ dân phố 2 và tổ dân phố 3, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà và được xác định như sau:

+ Phía Tây Bắc tiếp giáp đường giao thông nội đồng hiện trạng (quy hoạch chung là 19,5m và giáp ranh giới phường Hương Văn);

+ Phía Đông Nam tiếp giáp đường giao thông nội đồng hiện trạng (theo quy hoạch chung là đất cây xanh công viên và mặt nước);

+ Phía Đông Bắc tiếp giáp đường giao thông nội đồng hiện trạng, đất sản xuất và đất ở (theo quy hoạch chung là đất nông nghiệp);

+ Phía Tây Nam tiếp giáp đường giao thông nội đồng hiện trạng (quy hoạch chung là 16,5m) và đất sản xuất.

#### *2.2. Phạm vi về thời gian:*

- Đánh giá hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch;

- Định hướng quy hoạch theo hai thời kỳ 2016-2020 và 2021-2025.

c. Quy mô: Khoảng 52,8 ha.

### **3. Mục tiêu:**

Cụ thể hóa những định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của phường Hương Xuân nói riêng và của thị xã nói chung.

- Từng bước nâng cao giá trị sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp; tạo sự phù hợp về cơ cấu kinh tế tại địa phương và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập;

- Hình thành từng bước mạng lưới sản xuất hàng nông sản trên địa bàn đảm bảo cung cầu, phát huy những tiềm năng, lợi thế của địa phương theo hướng ổn định;

- Xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, phát triển bền vững;

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng đáp ứng các yêu cầu vừa phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân vừa góp phần xây dựng và phát triển đô thị;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

### **4. Tính chất và chức năng:**

Là khu sản xuất cây hằng năm được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ phục vụ sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **5. Nội dung quy hoạch chi tiết:**

### 5.1. Quy hoạch sử dụng đất:

#### BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

ĐVT: 1HA = 10 000M<sup>2</sup>

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH(HA)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM	40.748	77.19
2	ĐẤT KHU KỸ THUẬT	0.342	0.65
3	ĐẤT BÃI RÁC TẬP TRUNG	0.075	0.14
4	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	0.992	1.88
5	ĐẤT GIAO THÔNG, CÁC ĐIỂM ĐỖ XE	5.587	10.58
6	ĐẤT HÀNH LANG KỸ THUẬT	1.389	2.63
7	ĐẤT HÀNH LANG AN TOÀN ĐIỆN 220KV	1.123	2.13
8	ĐẤT LỘ GIỚI ĐƯỜNG CAO TỐC (Thực hiện dự án đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan giai đoạn 1 lộ giới 42m, dự kiến sau khi hoàn thành có lộ giới 120m)	2.531	4.79
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>52.786</b>	<b>93.08</b>

### 5.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

#### 5.2.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền thiết kế gắn kết với cao độ đường và cao độ các khu vực khác lân cận, đảm bảo việc thoát nước mặt nhanh, không bị ngập úng cục bộ, hài hòa với kiến trúc cảnh quan;

- Độ dốc nền thuận tiện cho giao thông khu vực;

- Mạng lưới thoát nước mặt phân bố đều trong khu vực, gắn kết với hệ thống khe nước hiện trạng;

- Thoát nước mặt: Phương án san nền thoát nước mặt cũng như nước thải sau khi đã xử lý đảm bảo quy định tuân thủ theo các yêu cầu:

+ Hướng dốc thoát nước theo các trục đường vào hồ thu, thoát xuống cống, thoát xuống hệ thống kênh mương, hới hiện trạng trong khu vực;

+ Cao độ tuân thủ theo các cao độ điểm nút khống chế trong khu vực;

+ Tôn trọng nền tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp;

+ Đắp nền cho các khu trũng, đảm bảo tiêu thoát nước dễ dàng.

(Cao độ khống chế san nền cụ thể cho từng lô theo thuyết minh và bản vẽ thiết kế).

#### 5.2.2. Quy hoạch giao thông:

- Mạng lưới đường trong khu vực nghiên cứu thiết kế được xác định với khoảng cách giữa các trục đường chính nội bộ hợp lý đảm bảo khoảng cách. Các trục đường chính được bố trí (tạo khả năng thông suốt, liên hệ thuận tiện) theo các khu chức năng. Tỷ lệ (%) đất giao thông chiếm 10.58% so với tổng diện tích đất khu quy hoạch.

- Giải pháp kết cấu:

- + Mặt đường bê tông xi măng mác 250 đá 2x4, dày 18cm;
- + Đệm lớp cát dày 5cm;
- + Nền, lè đường đất cấp phối K95.

- Giao thông đối ngoại: Có chiều dài 1150m

+ Tuyến 1A: Từ ngã ba đường Thượng Thôn vào khu quy hoạch dài 150m. Có mặt cắt  $5,0m=(0,75+3,5+0,75)m$ ; hiện trạng đường đất rộng khoảng 2,0m; đường có lộ giới quy hoạch 16,5m.

+ Tuyến 2A: Đường nối từ đường Tránh phía Tây vào khu quy hoạch (tức là đường Hương Văn – Hương Xuân) dài 1000m. Có mặt cắt giai đoạn 1 là  $5,0m=(0,75+3,5+0,75)m$ ; hiện trạng đường đất rộng khoảng 2,0m; đường có lộ giới quy hoạch 19,5m.

- Hệ thống giao thông nội bộ các loại trong khu quy hoạch: Có chiều dài 6170.7m

+ Tuyến số 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13 (hành lang kỹ thuật hai bên) có mặt cắt  $5,0m=(1,0+3,0+1,0)m$ ; chỉ giới xây dựng 1,5m; dài 3023.3m.

+ Tuyến số 1, 2 (hành lang kỹ thuật một bên) có mặt cắt  $5,0m=(1,0+3,0+1,0)m$ ; chỉ giới xây dựng 1,5m; dài 1351.9m.

+ Tuyến số 4 (hành lang kỹ thuật một bên) có mặt cắt giai đoạn 1 là  $5,0m=(1,0+3,0+1,0)m$ ; chỉ giới xây dựng 1,5m; dài 1207.9m; giai đoạn 2 theo quy hoạch chung của thị xã  $19,5m=(3,0+13,5+3,0)m$ .

+ Tuyến số 11 (hành lang kỹ thuật một bên) có mặt cắt giai đoạn 1 là  $5,0m=(1,0+3,0+1,0)m$ ; chỉ giới xây dựng 1,5m; dài 174.8m; giai đoạn 2 theo quy hoạch chung của thị xã  $16,5m=(3,0+10,5+3,0)m$ .

+ Tuyến số 12 (hành lang kỹ thuật một bên) có mặt cắt giai đoạn 1 là  $5,0m=(1,0+3,0+1,0)m$ ; chỉ giới xây dựng 1,5m; dài 412.8m; giai đoạn 2 theo quy hoạch chung của thị xã  $16,5m=(3,0+10,5+3,0)m$ .

+ Điểm tránh xe trên các tuyến (bao gồm 18 điểm) được bố trí các vị trí thuận lợi cho các phương tiện giao thông lưu thông dễ dàng.

+ Điểm đỗ xe tập trung (bao gồm 01 điểm) được bố trí ở vị trí mà các phương tiện giao thông dễ đi vận chuyển trong khu quy hoạch một cách thuận tiện và nhanh chóng.

*(Sơ đồ và mặt cắt các tuyến đường theo thuyết minh và bản vẽ thiết kế).*

### 5.2.3. Quy hoạch thủy lợi:

- Mạng lưới thủy lợi trong khu quy hoạch được kết nối thông suốt, liên hoàn với hệ thống thủy lợi hiện có xung quanh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tưới tiêu trước mắt cũng như lâu dài.

- Giải pháp kết cấu:

- + Tường kênh bằng bê tông và bê tông cốt thép mác 125 dày 12cm;
- + Đáy kênh bằng bê tông cốt thép mác 125 dày 15cm. Bên dưới là lớp bê tông lót mác 100 tạo mặt bằng để thi công bản đáy kênh;
- + Tuyến kênh được chia thành từng khoang rộng 20cm, giữa các khoang được chèn bao tải nhựa đường.

- Nguồn nước: Lấy nước tự chảy từ kênh vùng cao hồ Thọ Sơn kết hợp làm trạm bơm lấy nước từ khe Thanh Khê (khe Cạn).

- Tổng diện tích tưới tiêu chính các lô trong khu quy hoạch: 40,748ha.  
(Sơ đồ và tiết diện hệ thống mương theo thuyết minh và bản vẽ thiết kế).

#### 5.2.4. Quy hoạch cấp nước sạch cho nhà sơ chế:

- Dùng hệ thống ống có đường kính 76 mm đặt trên nền đệm cát đảm chặt và được kết nối với hệ thống cấp nước của khu dân cư vào nhà sơ chế;

- Nguồn nước được lấy từ đường ống nước sạch chính từ khu dân cư.  
(Sơ đồ và tiết diện hệ thống cấp nước theo thuyết minh và bản vẽ thiết kế).

#### 5.2.5. Quy hoạch thoát nước:

- Tuân thủ hiện trạng tiêu thoát, các hướng thoát nước hiện có gắn kết với các công trình thủy lợi đã định hình. Hệ thống thoát nước được thiết kế thoát chung ở khu vực;

- Trong khu quy hoạch sử dụng hệ thống thoát nước chung, hoạt động theo chế độ tự chảy. Khu vực ruộng canh tác thoát nước nhờ vào hệ thống kênh mương thủy lợi, có sự hỗ trợ của các công điều tiết khi ngập lụt.

#### 5.2.6. Quy hoạch cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện: Điện phụ tải công cộng = 40% phụ tải sinh hoạt;

- Nguồn điện trung thế được lấy từ đường dây trung thế Thanh Khê hạ trạm biến áp 75KVA-22/0.4KV với chiều dài 600m;

- Nguồn điện hạ thế từ trạm biến áp 75KVA-22/0.4KV. Sau đó cấp điện phục vụ cho sản xuất và chiếu sáng cho khu quy hoạch;

- Tủ ĐKCS dùng loại tủ lắp ngoài trời 500V-50A; IP44 khi vận hành cần điều chỉnh lại dây chì bảo vệ cho phù hợp với dòng thực tế làm việc của hệ thống.

(Sơ đồ mạng lưới điện theo thuyết minh và bản vẽ thiết kế).

#### 5.2.7. Quy hoạch xử lý chất thải:

- Chất thải chủ yếu là chất thải rắn bao gồm các bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón...Bố trí các thùng rác, chất thải rắn được xử lý, thu gom và vận chuyển đúng theo quy định, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

### 5.3. Tác động môi trường chiến lược:

#### 5.3.1. Môi trường nước:

- Trong quá thi công sẽ có tác động đến môi trường nước do phải san nền, đào đắp nền khi thi công và thông thủy sẽ ảnh hưởng một phần nhỏ đến nguồn nước, nhất là khi có mưa lớn bão lũ xảy ra. Trong quá trình thi công theo quy hoạch cần số lượng công nhân nhiều tuy nhiên sử dụng đa số người địa phương và các vùng lân cận nên không tập trung ăn ở lâu dài do đó chất thải sinh hoạt thải ra không đáng kể đến nguồn nước mặt.

#### 5.3.2. Môi trường không khí:

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng bao gồm phát quang, san ủi, đào đắp và thi công xây dựng các cơ sở hạ tầng như: hệ thống cấp điện, cấp và thoát nước, hệ

thông đường giao thông... Tác động chủ yếu đến môi trường không khí trong giai đoạn này là do các loại bụi đất, cát và khí thải của các phương tiện thi công cơ giới và xe cộ gây ra. Bụi phát sinh trong suốt cả giai đoạn thi công và từ các hoạt động thi công cơ sở hạ tầng khác, nhưng nhiều nhất là trong các quá trình phát quang cây cối, san ủi mặt bằng, đào đắp, làm móng, làm đường, đào và lắp đặt các hệ thống điện, cấp thoát nước... Các nguồn gây ô nhiễm bụi trong giai đoạn này là rất khó kiểm soát, khó xử lý và khó xác định theo định lượng nồng độ và tải lượng ô nhiễm.

- Còn các loại máy móc, thiết bị và các phương tiện tham gia giao thông vận tải chạy bằng xăng dầu hoạt động trên công trường trong quá trình chuẩn bị xây dựng là nguồn gây ô nhiễm khí độc hại chủ yếu với các tác nhân phát sinh trong quá trình đốt cháy xăng dầu là  $\text{NO}_2$ ,  $\text{C}_x\text{H}_x$ ,  $\text{CO}$ ,  $\text{CO}_2$ , bụi...

- Nồng độ của các tác nhân gây ô nhiễm không khí phát thải từ các phương tiện giao thông cơ giới, máy móc, thiết bị chạy bằng xăng dầu phục vụ cho thời gian chuẩn bị mặt bằng trong môi trường không khí phụ thuộc rất nhiều vào số lượng phương tiện tham gia thi công, tình trạng hoạt động, tình trạng máy móc cũng như là khối lượng nhiên liệu tiêu thụ của chúng. Các nguồn phát sinh khí độc hại này thuộc dạng nguồn thải thấp, khả năng phát tán đi xa của chúng là rất kém, do đó chúng sẽ gây ra tình trạng ô nhiễm cục bộ và vùng lân cận.

- Tóm lại, trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, các tác nhân gây ô nhiễm không khí chính là bụi, đất, cát và khí độc hại phát sinh trong quá trình đốt cháy nhiên liệu của các máy móc thiết bị động cơ đốt trong. Tùy theo từng điều kiện và hoàn cảnh cụ thể về khí hậu thời tiết, số lượng năng lực và chế độ hoạt động... của phương tiện, thiết bị mà có thể có hoặc không ảnh hưởng đến môi trường không khí nói chung, nhưng nó sẽ gây ra tình trạng ô nhiễm không khí cục bộ khu vực, tác động đến đời sống và sức khỏe của người công nhân đang tham gia thi công và một phần rất nhỏ khu dân cư lân cận khu vực thi công.

#### 5.3.3. Môi trường đất:

- Trong quá trình san nền, chuẩn bị mặt bằng do khu vực này có cao độ khá lớn nên khối lượng đất đào đắp gần bằng nhau và mọi hoạt động đào đắp đều được thực hiện chỉ trong khu vực thực hiện dự án nên hầu như không gây ảnh hưởng gì đến chất lượng đất vùng xung quanh.

- Trong quá trình thi công xây dựng do nằm trong vùng có lượng mưa lớn và độ dốc lớn nên khi thi công vào mùa mưa nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án thoát cuốn theo rất nhiều đất, cát, xi măng và các loại rác thải sinh hoạt. Các loại chất thải rắn là vật liệu xây dựng như gạch vỡ, gỗ, cốp pha, bao bì xi măng, sắt thép vụn... không được thu gom sẽ làm biến đổi môi trường.

#### 5.3.4. Chất thải rắn:

- Chất thải rắn trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng là các loại chất thải như gạch vỡ, đá dăm, bao bì xi măng,... do quá trình tập trung nguyên vật liệu để thi công công trình. Các công trình vệ sinh tạm thời nếu không được thiết lập và quản lý tốt sẽ tạo điều kiện cho việc phóng uế, thải rác bừa bãi, dẫn tới ô nhiễm vệ sinh môi trường khu vực xây dựng và khu dân cư lân cận.

- Nước mưa chảy từ khu vực có cốt cao xuống thấp cuốn theo đất, cát, xi măng và chất thải sinh hoạt nói trên gây ô nhiễm nguồn nước mặt trong khu vực.

- Giai đoạn hoạt động trồng trọt, chất thải rắn được thu gom từ 35 hố của các lô đưa về tập kết tại bãi rác xử lý.

- Về cơ bản thành phần chất thải rắn trong khu quy hoạch phụ thuộc rất lớn vào nhận thức của các công nhân và người dân sống trong khu vực. Nói chung các loại chất thải này tác động đến môi trường không đáng kể. Các tác động đến môi trường sẽ khác nhau tùy thuộc vào tính chất dễ hay khó phân huỷ của chất thải rắn.

- Chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ có tính chất trơ nên tác động không đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên, nếu không thu gom đúng nơi qui định cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng nhất định tới cảnh quang môi trường xung quanh. Các chất thải rắn hữu cơ dễ phân huỷ sinh học khi kết hợp với nước mưa gây mùi hôi thối ô nhiễm môi trường tác động xấu tới cảnh quang khu vực, đồng thời là nơi phát triển và sinh sống của các loài động vật gặm nhấm là ổ dịch bệnh tiềm tàng.

#### *5.3.5. Môi trường sinh thái:*

- Trong quá trình chuẩn bị mặt bằng và thi công công trình sẽ có nhiều loại cây cối, thực vật bị san ủi. Cây cối ở đây chủ yếu các loại cây bụi nên môi trường sinh thái không bị tác động nhiều.

- Khi dự án đưa vào sử dụng khu vực dự án được xác định là một khu trồng trọt tập trung nên hệ thống cây xanh lớn và hầu như không phá hủy quá nhiều hệ thống hiện trạng và được thay thế bằng các loại cây xanh khác.

#### *5.3.6. Dự báo rủi ro, sự cố khi thực hiện dự án:*

Trong giai đoạn thi công, xây dựng hạ tầng cơ sở cũng như quá trình xây dựng nhà ở dự báo có các rủi ro, sự cố như sau:

- Không đảm bảo, an toàn lao động do phải thi công trong điều kiện tạm bợ, điều kiện lao động ngoài trời nên sự cố mất an toàn lao động là có thể xảy ra.

- Tai nạn giao thông: do xe cộ thi công công trình và xe chở nguyên vật liệu ra vào thường xuyên, mà các tuyến đường hiện trạng thì nhỏ nên dễ gây ra tai nạn giao thông.

- Dịch bệnh: do vệ sinh ăn ở của công nhân và các hộ dân lân cận không đảm bảo tiêu chuẩn, ô nhiễm môi trường do rác thải, chất thải sinh hoạt nên dịch bệnh cũng có khả năng xảy ra.

- Sự cố ô nhiễm môi trường có thể xảy ra do các phương tiện giao thông, nguyên nhiên vật liệu như đất, đá, cát, xi măng, xăng, dầu,...

#### *5.3.7. Biện pháp khắc phục giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án đến bảo vệ môi trường:*

##### *a. Biện pháp quản lý:*

Tổ chức thi công hợp lý, tránh sự chông chéo giữa các công đoạn, lập biểu đồ thi công và bắt buộc đơn vị thi công tuân thủ tiến độ đề ra để không xảy ra tình trạng ùn tắc. Công tác đào đắp, san nền phải thực hiện theo phương pháp cuốn chiếu, khu vực nào bàn giao mặt bằng sớm thì đơn vị thi công tiến hành san lấp mặt bằng. Sau khi san lấp mặt bằng xong tiến hành xây các công trình ngầm, hệ thống thoát nước, hệ thống đường nội bộ trước khi phân lô.

##### *b. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực môi trường đất:*

- Trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng tránh để dầu mỡ, các chất thải rơi vãi trên bề mặt đất làm ô nhiễm đất.

- Gạch đá, vật liệu xây dựng rơi vãi phải được thu gom và vận chuyển đến nơi quy định, không đổ bừa bãi ra xung quanh.

- Công ty sẽ có kế hoạch bố trí công nhân thu gom thường xuyên các chất thải vệ sinh, không để hiện tượng ứ đọng gây ô nhiễm khu vực thi công. Trước khi đưa dự án vào sử dụng bàn giao mặt bằng cho các hộ dân, các lán trại công nhân và nơi sinh hoạt của công nhân phải được dọn dẹp sạch sẽ.

- Bố trí các thùng đựng rác tại các điểm quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

*c. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực môi trường nước:*

- Trong quá trình thi công san ủi mặt bằng không để đất, đá, cát, vữa rơi xuống khe làm nghẹt dòng chảy.

- Áp dụng các biện pháp chống sồi lở khi san ủi mặt bằng, không để đất, đá, cát, tràn lấp dòng thoát nước trong khu vực vào mùa mưa trong khi chưa xây dựng được hệ thống thoát nước.

- Không để các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa chảy tràn xuống nguồn nước mặt.

*d. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường không khí:*

- Thực hiện các biện pháp thi công đảm bảo vệ sinh môi trường như phun nước để hạn chế bụi. Các xe chở đất, cát, vật liệu dễ phát tán trong không khí phải có mui, bạt che đậy, không cho dầu mỡ loang trong quá trình thi công.

- Bố trí nguồn gây ô nhiễm khí và tiếng ồn như máy nổ, máy trộn bê tông nhựa tại nơi cuối hướng gió để hạn chế ảnh hưởng ô nhiễm. Hạn chế sử dụng các lò nấu nhựa thủ công đốt bằng than củi sẽ sinh ra nhiều khói bụi và chất độc hại.

*g. Các biện pháp khắc phục tác động môi trường xã hội:*

- Xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn phát sinh trong quá trình trồng trọt, thu hoạch phải được thu gom gọn gàng sạch sẽ, có nơi thu gom, chứa chất thải rắn, thùng chứa phải bằng vật liệu bền, có nắp đậy kín, không rò rỉ, thấm hút, chảy tràn. Hợp đồng với cơ quan có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn phải đảm bảo kín, không rò rỉ, không rơi vãi, không thoát mùi hôi. Chất thải rắn sau khi xử lý phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

- Xử lý nước thải: Phải đảm bảo hệ thống thoát nước luôn khai thông, không để tù đọng phát sinh mùi hôi, ruồi muỗi.

- Giảm thiểu các tác động khác: Xử lý tiếng ồn các khu vực tập trung đông dân cư, xây dựng chiều cao tối thiểu là 2m. Tiếng ồn phải xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định TCVN 5949-1998.

**6. Khái toán tổng mức đầu tư:**

- Chi phí xây dựng công trình chính:	20.000.590.000
+ Hệ thống giao thông:	11.308.200.000
+ Hệ thống điện:	1.755.600.000
+ Hệ thống thủy lợi	4.917.017.000



+ Hạ tầng kiến trúc khu quy hoạch:	1.857.273.000
+ Hệ thống nước sạch cấp nhà sơ chế:	162.500.000
- Chi phí quản lý dự án:	360.607.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.540.341.000
- Chi phí khác:	33.160.000
- Chi phí dự phòng:	2.193.470.000
- Tổng cộng:	24.128.168.000
- Thuế VAT:	2.412.817.000
- <b>Tổng chi phí sau thuế:</b>	<b>26.840.985.000</b>

*(Biểu chi tiết theo thuyết minh)*

**Điều 2.** Trên cơ sở quy hoạch chi tiết hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất cây hàng năm (tỷ lệ 1/2000) phường Hương Xuân được duyệt, Ủy ban Nhân dân phường Hương Xuân phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức lập và cắm mốc giới thực địa;
- Tổ chức công bố quy hoạch theo quy định hiện hành cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện; lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định;
- Tổ chức lập và ban hành quy định quản lý;
- Tổ chức quản lý xây dựng theo quy hoạch và phù hợp quy định quản lý.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND thị xã; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Hương Xuân; Trưởng các phòng: Quản lý Đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – Kế hoạch, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT. HĐND Thị xã;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Ty

STT	KỶ HIỆU	DIỆN TÍCH (M <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
1	A	11.564	
2	A	11.564	
3	A	10.596	
4	A	10.596	
5	A	15.083	
6	A	13.363	
7	A	10.378	
8	A	10.378	
9	A	10.249	
10	A	10.249	
11	A	13.345	
12	A	13.345	
13	A	13.345	
14	A	12.528	
15	A	12.528	
16	A	12.528	
17	A	12.528	
18	A	9.622	
19	A	12.318	
20	A	12.318	
21	A	12.318	
22	A	11.731	
23	A	11.825	
24	A	11.825	
25	A	9.300	
26	A	9.300	
27	A	10.091	
28	A	10.091	
29	A	10.091	
30	A	10.091	
31	A	15.835	

**BẢNG THỐNG KÊ KHU VỰC SẢN XUẤT**

**PHỤ LỤC 1:**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND thị xã Hương Trà)

32	A	32	22.880	Thực hiện dự án đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan giai đoạn 1 lộ giới 42m, dự kiến sau khi hoàn thành có lộ giới 120m. Do đó, tạm thời sử dụng 2 lô A32, A33 để trồng cây nhưng có phương án bố trí phù hợp để dễ di dời khi thực hiện đường cao tốc có lộ giới 120m.
33	A	33	23.679	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>407.482</b>	

PHỤ LỤC 2: (Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../2017 của UBND thị xã Hương Trà)

**BẢN THỐNG KÊ CÁC TUYẾN KÊNH**

STT	TÊN KÊNH	CHIỀU RỘNG (M) x CHIỀU CAO (M)	CHIỀU DÀI (M)	GHI CHÚ
1	KC		610	Kênh đá có
2	KC1	0.55x0.70	120	Kênh làm mới
3	N1	0.45x0.60	910	Kênh làm mới
4	N1-1	0.25x0.30	70	Kênh làm mới
5	N1-2	0.25x0.30	80	Kênh làm mới
6	N1-3	0.35x0.45	480	Kênh làm mới
7	N1-3-1	0.30x0.40	450	Kênh làm mới
8	N1-3-1-1	0.25x0.30	50	Kênh làm mới
9	N1-3-1-2	0.25x0.30	70	Kênh làm mới
10	N1-3-1-3	0.25x0.30	120	Kênh làm mới
11	N1-3-1-4	0.25x0.30	75	Kênh làm mới
12	N1-3-1-5	0.25x0.30	50	Kênh làm mới
13	N1-3-2	0.25x0.30	50	Kênh làm mới
14	N1-3-4	0.25x0.30	50	Kênh làm mới
15	N1-3-6	0.25x0.30	50	Kênh làm mới
16	N1-4	0.25x0.30	70	Kênh làm mới
17	N1-6	0.30x0.40	560	Kênh làm mới
18	N1-6-1	0.25x0.30	50	Kênh làm mới
19	N1-6-3	0.25x0.30	50	Kênh làm mới
20	N2	0.30x0.45	590	Kênh làm mới
21	N2-1	0.25x0.30	40	Kênh làm mới
22	N2-3	0.25x0.30	65	Kênh làm mới
23	N2-5	0.25x0.30	65	Kênh làm mới
24	N3		272.3	Kênh đá có
25	N5	0.20x0.30	50	Kênh làm mới
26	N7		298	Kênh đá có
27	N7-1	0.20x0.30	90	Kênh làm mới
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4255</b>	
			<b>1180.3</b>	

**PHỤ LỤC 3:**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../2017 của UBND thị xã Hương Trà)

**BẢNG THÔNG KÊ CÁC TUYẾN KÊNH TIÊU**

STT	TÊN KÊNH	CHIỀU RỘNG (M) x CHIỀU CAO (M)	HỆ SỐ MÁI	CHIỀU DÀI (M)	GHI CHÚ
1	T1	0.50x0.50	1.0	520.0	Kênh làm mới
2	T2	0.50x0.50	1.0	400.0	Kênh làm mới
3	T3	0.50x0.50	1.0	300.0	Kênh làm mới
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1220.0</b>	

**PHỤ LỤC 4:**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .../.../2017 của UBND thị xã Hương Trà)

**BẢNG ĐẦU TƯ THEO TỪNG THỜI KỲ 2015-2025**

Stt	Hạng mục	ĐVT	KL	Đơn giá	Thành tiền
	Chi phí xây dựng công trình chính	G		Ggt+ Gd+ Gtl +Gkt+Gns	20,000,590,000
1	<b>Hệ thống giao thông giai đoạn 2015-2020</b>	Ggt			11,308,200,000
1	Đường đối ngoại từ ngã 3 đường Thượng Thôn vào khu quy hoạch	md	150	2,000,000	300,000,000
2	Đường đối ngoại Hương Văn - Hương Xuân	md	1,000	2,000,000	2,000,000,000
3	Đường nội bộ khu quy hoạch	md	6,170	1,460,000	9,008,200,000
2	<b>Hệ thống điện giai đoạn 2020-2025</b>	Gd			1,755,600,000
1	Đường dây trung thế + TBA	-	-	(600m dây trung thế + TBA)	847,600,000
2	Phần điện trong trạm bơm	-	-	(toàn bộ)	15,000,000
3	Điện hạ thế phục vụ quanh khu quy hoạch	-	-	(toàn bộ)	893,000,000
3	<b>Hệ thống thủy lợi giai đoạn 2020-2025</b>	Gtl			4,917,017,000
1	Trạm bơm + máy bơm + thiết bị...	1trạm	1	(toàn bộ)	388,368,000
2	Hồ móng + đê quai TB+ nạo vét....	1	1	(toàn bộ)	250,509,000
3	Hệ thống kênh mương	m	4,318	730,000	3,152,140,000
4	Cửa lấy nước đầu kênh	m	20	6,000,000	120,000,000
5	Cống qua đường	cái	5	55,000,000	275,000,000
6	Hồ trữ nước	cái	23	4,200,000	96,600,000
7	Hệ thống kênh tiêu	m	1,220	520,000	634,400,000
4	<b>Hạ tầng kiến trúc khu quy hoạch giai đoạn 2020-2025</b>	Gkt			1,857,273,000
1	Hồ thu gom chất thải	1hồ	36	1,000,000	36,000,000
2	Nhà sơ chế + kho bảo quản	m2	400	3,100,000	1,240,000,000
3	San nền khu quy hoạch	m2	83,039	7,000	581,273,000
5	<b>Hệ thống nước sạch cấp nhà sơ chế giai đoạn 2020-2025</b>	Gns			162,500,000
1	Đường ống d=67mm nước sạch cho nhà sơ chế	md	650	250,000	162,500,000